

Số: **185** /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **30** tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Nhân,  
huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2045

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt nhiệm vụ, kinh phí khảo sát, lập quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình đến năm 2035; Quyết định số

16/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh tên và thời hạn lập các đồ án quy hoạch chung đô thị mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản số 5604/BXD-QHKT ngày 06/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2035;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 04/TTr-SXD ngày 18/01/2024.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2045, với các nội dung như sau:

**1. Tên đồ án quy hoạch:** Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2045.

### **2. Phạm vi, ranh giới quy hoạch**

**2.1. Phạm vi:** Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (diện tích 4.426,46 ha).

**2.2. Ranh giới:** Phía Bắc giáp xã Nhân Mục, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; phía Nam giáp xã Mỹ Gia, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; phía Đông giáp xã Bằng Cốc, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang; phía Tây giáp xã Ngọc Chấn và xã Xuân Long, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

**3. Thời hạn quy hoạch:** Quy hoạch ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2045.

### **4. Tính chất và quy mô của đồ án**

**4.1. Tính chất:** Là hạt nhân phát triển phía Đông Bắc hồ Thác Bà, định hướng phát triển đô thị của huyện Yên Bình, giai đoạn 2021-2025 có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, nằm trong Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030.

### **4.2. Quy mô**

- Quy mô diện tích lập quy hoạch 4.426,46 ha được xác định trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Quy mô dân số hiện trạng là 9.399 người; quy mô dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 12.800 người; đến năm 2045 khoảng 23.300 người.

### **5. Mục tiêu của đồ án**

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch vùng tỉnh Yên Bái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 (được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023); Quy hoạch vùng huyện Yên Bình đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh

Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 27/10/2023; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Yên Bái đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 25/01/2021.

- Xây dựng chiến lược phát triển, định hướng không gian, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phát triển xã Cẩm Nhân trở thành đô thị loại V giai đoạn đến năm 2025, phát triển theo hướng bền vững, phòng tránh thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Làm cơ sở cho việc quản lý sử dụng đất đai, kiểm soát phát triển đô thị và quản lý cơ sở hạ tầng, tạo lập môi trường sống thích hợp, đảm bảo kết hợp hài hòa giữa chức năng đất ở, sản xuất, dịch vụ, du lịch, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và quốc phòng an ninh.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các khu chức năng theo quy hoạch.

- Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị tỉnh Yên Bái phát triển bền vững, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; có sắc thái kiến trúc đô thị riêng và môi trường, chất lượng sống tốt; có vị thế và tính cạnh tranh cao trong phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, khu vực và quốc tế.

## 6. Quy hoạch sử dụng đất theo yêu cầu phát triển các giai đoạn

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2030		Giai đoạn đến năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	<b>Tổng diện tích đất</b>	<b>4426,46</b>	<b>100,00</b>	<b>4426,46</b>	<b>100,00</b>
<b>A</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>219,59</b>	<b>4,96</b>	<b>280,25</b>	<b>6,33</b>
1	Đất ở	76,54	1,73	94,74	2,14
2	Đất giáo dục	5,55	0,13	6,48	0,15
2.1	<i>Trường mầm non</i>	<i>0,96</i>	<i>0,02</i>	<i>1,39</i>	<i>0,03</i>
2.2	<i>Trường TH &amp; THCS</i>	<i>2,29</i>	<i>0,05</i>	<i>2,79</i>	<i>0,06</i>
2.3	<i>Trường THPT</i>	<i>2,30</i>	<i>0,05</i>	<i>2,30</i>	<i>0,05</i>
3	Đất dịch vụ - công cộng khác	7,52	0,17	11,51	0,26
3.1	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>0,55</i>	<i>0,01</i>	<i>0,55</i>	<i>0,01</i>
3.2	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>2,00</i>	<i>0,05</i>	<i>2,00</i>	<i>0,05</i>
3.3	<i>Đất thể dục thể thao</i>	<i>2,30</i>	<i>0,05</i>	<i>5,31</i>	<i>0,12</i>
3.4	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>0,10</i>	<i>0,002</i>	<i>0,10</i>	<i>0,002</i>
3.5	<i>Đất chợ</i>	<i>1,09</i>	<i>0,02</i>	<i>1,09</i>	<i>0,02</i>
3.6	<i>Đất công cộng, TMDV khác</i>	<i>1,48</i>	<i>0,035</i>	<i>2,46</i>	<i>0,05</i>

Stt	Chức năng sử dụng đất	Giai đoạn đến năm 2030		Giai đoạn đến năm 2045	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	0,72	0,02	0,72	0,02
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	7,82	0,18	14,11	0,32
6	Đất giao thông đô thị	86,26	1,95	118,73	2,68
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	35,18	0,79	34,68	0,78
<b>B</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>	<b>57,03</b>	<b>1,29</b>	<b>85,37</b>	<b>1,93</b>
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	9,80	0,22	14,00	0,32
2	Đất khoáng sản và sản xuất VLXD	2,72	0,06	5,72	0,13
3	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	0,12	0,003	0,12	0,003
4	Đất dịch vụ du lịch	9,37	0,21	9,37	0,21
5	Đất di tích, tôn giáo	0,29	0,007	0,29	0,007
5.1	<i>Đất di tích</i>	<i>0,22</i>	<i>0,005</i>	<i>0,22</i>	<i>0,005</i>
5.2	<i>Đất tôn giáo</i>	<i>0,07</i>	<i>0,002</i>	<i>0,07</i>	<i>0,002</i>
6	Đất an ninh	0,66	0,015	0,66	0,015
7	Đất quốc phòng	2,15	0,05	2,15	0,05
8	Đất giao thông đối ngoại	18,09	0,41	38,63	0,87
9	Đất hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	13,83	0,31	14,43	0,33
<b>C</b>	<b>Đất nông nghiệp và các chức năng khác</b>	<b>4149,84</b>	<b>93,75</b>	<b>4060,84</b>	<b>91,74</b>
1	Đất sản xuất nông nghiệp	701,08	15,84	697,82	15,76
2	Đất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất)	3182,41	71,90	3029,30	68,44
3	Đất dự trữ phát triển	127,83	2,89	197,58	4,46
4	Đất nuôi trồng thủy sản	58,85	1,33	58,53	1,32
5	Đất chưa sử dụng	16,98	0,38	16,98	0,38
6	Diện tích mặt nước hồ, ao, đầm	10,12	0,23	9,52	0,22
7	Sông, suối, kênh, rạch	52,56	1,19	51,10	1,15

## 7. Định hướng phát triển đô thị và phân khu chức năng

### 7.1. Định hướng phát triển đô thị

- Hướng phát triển của đô thị được xác định chủ yếu tại khu vực trung tâm hiện hữu, phát triển đô thị về phía Đông; phía Đông Bắc và phía Nam của đô thị Cẩm Nhân.

- Tuân thủ theo nguyên tắc hình thành và phát triển đô thị phù hợp với địa hình tự nhiên, hình thái đô thị theo dạng tuyến dựa trên các trục giao thông chính hiện hữu và kết hợp xây mới, khai thác hiệu quả quỹ đất xây dựng.

- Rà soát, nâng cấp, đề xuất mở rộng hoặc di dời các khu chức năng hiện có, bổ sung các công trình mới gắn kết và hoàn thiện các khu chức năng phục vụ cho đô thị; tạo sự liên hệ chặt chẽ giữa khu trung tâm đô thị mới với các khu chức năng và vùng lân cận, làm cơ sở cho đô thị phát triển mạnh mẽ, đồng bộ.

- Phát triển đất ở mới gắn kết với các khu dân cư hiện trạng và các khu chức năng của đô thị với nhiều loại hình nhà ở nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng dân số và đa dạng đối tượng sử dụng.

**7.2. Phân khu chức năng:** Toàn đô thị được phân chia thành 03 khu chức năng chính, cụ thể:

- Phân khu số 1: Khu vực bảo vệ và sản xuất nông, lâm nghiệp, có diện tích 2.196,19ha, chiếm 49,62% tổng diện tích tự nhiên toàn xã. Bao gồm toàn bộ khu vực phía Bắc và phía Tây, giới hạn từ đường liên xã Cẩm Nhân - Nhân Mục, đường tỉnh ĐT.170 và các đường tránh quy hoạch mới trở về hết ranh giới phía Bắc và phía Tây. Đây là khu vực làng xóm dân cư xen lẫn với các khu vực sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Phân khu số 2: Đô thị trung tâm được giới hạn từ đường liên xã Cẩm Nhân - Nhân Mục và đường liên xã Cẩm Nhân - Bằng Cốc trở về đến hết ranh giới phía Đông của xã, có diện tích 1178,42ha, chiếm 26,62% tổng diện tích tự nhiên toàn xã. Là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, thương mại dịch vụ của xã. Định hướng phát triển các công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị như: Trung tâm y tế, giáo dục, an ninh, quân sự, trung tâm văn hóa, công viên đô thị.

- Phân khu số 3: Phát triển đô thị du lịch, dịch vụ được giới hạn bởi đường liên xã Cẩm Nhân - Nhân Mục và đường liên xã Cẩm Nhân - Bằng Cốc trở về đến hết ranh giới phía Đông và phía Nam của xã, diện tích 1051,85ha, chiếm 23,76% tổng diện tích tự nhiên toàn xã. Là khu vực có các điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch, dịch vụ nằm trong hệ thống Khu du lịch quốc gia hồ Thác Bà.

### **7.3. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan**

- Không gian đô thị được phân thành 03 vùng cảnh quan chính: Vùng cảnh quan đồi núi gắn với các dãy núi nằm về phía Tây và phía Đông của xã; cảnh quan nông nghiệp, mặt nước trung tâm gắn với các suối Đát Hùng, Ngòi Tàu, Ngòi Sừ; đập Khe Hoài và hồ Thác Bà. Vùng cảnh quan đô thị gắn với các khu vực phát triển dân cư và các khu chức năng đô thị dọc Đường tỉnh ĐT.170 và tuyến đường Cẩm Nhân - Bằng Cốc, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Hình thành các hành lang xanh gắn kết cảnh quan tự nhiên với các công viên lớn, các vườn hoa trong đô thị. Thiết kế không gian xanh gồm 02 chức năng chủ đạo là chức năng xanh đô thị, du lịch và chức năng sản xuất.

- Các khu vực trung tâm:

+ Khu trung tâm hành chính: Chính trang cải tạo, nâng cấp các công trình cho phù hợp với chức năng sử dụng.

+ Khu trung tâm dịch vụ thương mại: Tạo không gian thương mại nổi bật tại khu vực trung tâm các đơn vị ở; các trục đường chính, cửa ngõ của đô thị.

Gắn kết hài hòa và hợp lý giữa giao thông công cộng với các hoạt động thương mại, đồng thời tạo không gian linh hoạt rộng cho những sự kiện đa năng. Các công trình xây dựng hiện đại, cao tầng được hợp khối thống nhất; kiến trúc và cảnh quan đặc trưng mang tính biểu tượng.

+ Các khu ở mới: Không gian kiến trúc khu dân cư được tổ chức hài hòa với địa hình, làm tăng vẻ đẹp cảnh quan khu đô thị. Tại các đơn vị ở bố trí "lối" trung tâm bao gồm: Cây xanh, nhà câu lạc bộ khối phố, trường học, các dịch vụ thương mại và sân chơi thể thao.

+ Không gian khu vực cửa ngõ tạo điểm nhấn, tầm nhìn vào đô thị. Bộ cục quy hoạch công trình tại các cửa ngõ được nghiên cứu trên cơ sở các điều kiện vi khí hậu và tuân thủ chỉ giới xây dựng; Xây dựng công trình biểu tượng đón hướng nhìn từ nhiều phía mang biểu trưng về một đô thị xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc.

## **8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

### **8.1. Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật**

#### *a) Cao độ nền và phòng chống lũ*

- San tạo mặt bằng khu vực quy hoạch đô thị trên cơ sở tôn trọng tối đa địa hình tự nhiên và thuận lợi cho hệ thống thoát nước. Cao độ nền sẽ được xác định chính xác, cụ thể trong quá trình lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cho phù hợp với điều kiện hiện trạng tự nhiên, quy hoạch và dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Nâng cấp, cải tạo, nắn dòng, mở rộng lòng, nạo vét đáy đảm bảo chiều cao thoát nước của tuyến thoát nước chính (suối Đất Hùng, suối Ngòi Tầu và suối Ngòi Sừ), từng bước xây dựng kè dọc hai bên suối chảy qua đô thị.

- Duy trì các hồ, đầm hiện trạng, tuân thủ hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa Thủy điện Thác Bà.

*b) Định hướng thoát nước:* Hướng thoát nước chính thoát vào suối Đất Hùng sau đó chảy vào suối Ngòi Tầu và chảy ra hồ Thác Bà.

### **8.2. Quy hoạch giao thông**

#### *a) Giao thông đối ngoại*

- Đường tỉnh ĐT.170: Quy hoạch theo tiêu chuẩn đường đô thị quy mô nền đường rộng  $B_n = 20,5m$ ; chiều dài khoảng 5,2km.

- Đường Cẩm Nhân - Nhân Mục: Quy hoạch với quy mô nền đường rộng  $B_n = 20,5m$ ; chiều dài khoảng 7,8km.

- Đường Cẩm Nhân - Bằng Cốc (quốc lộ 3B, theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái đến năm 2040). Quy hoạch với quy mô nền đường rộng  $B_n = 20,5m$ ; chiều dài khoảng 2,5km; Đoạn còn lại quy hoạch nền đường với quy mô nền đường rộng  $B_n = 17,5m$ ; chiều dài khoảng 2,4km.

- Đường Cẩm Nhân - Ngọc Chấn: Quy hoạch với quy mô nền đường rộng  $B_n = 17,5m$ ; chiều dài khoảng 2,7km.

- Đường Cẩm Nhân - Phúc Ninh: Quy hoạch với quy mô nền đường rộng  $B_n = 20,5\text{m}$ ; chiều dài khoảng 0,4km.

*b) Giao thông đô thị*

- Cải tạo, mở rộng và chỉnh trang hệ thống đường hiện trạng trong khu vực quy hoạch, kết nối khu trung tâm đô thị với các khu vực. Đối với khu trung tâm đô thị hiện hữu cơ bản giữ nguyên về tuyến, thực hiện cải tạo, mở rộng, chỉnh trang hệ thống đường hiện trạng khu trung tâm. Quy mô các tuyến đường có bề rộng nền đường từ  $B_n = 13,5\text{m}$  đến  $B_n = 20,5\text{m}$ .

- Nâng cấp, mở mới hệ thống đường giao thông liên kết các thôn, liên thông mạng lưới đường xã, thôn xóm với mạng lưới đường tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong sinh hoạt và sản xuất.

*c) Giao thông du lịch, giao thông sản xuất:* Các tuyến đường bộ nhằm khai thác du lịch sinh thái, du lịch văn hóa bản địa cũng như tạo thuận lợi hơn cho sản xuất địa phương được thiết kế quy mô nhỏ, gắn với các khu ở, điểm sản xuất của người dân.

*d) Giao thông công cộng:* Bố trí hệ thống các bãi đỗ xe tĩnh trong các nhóm nhà ở và các khu chức năng đô thị khác tùy theo yêu cầu cụ thể đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan. Quy hoạch bến xe khách Cẩm Nhân tại thôn Phạ 2, với diện tích 1,0 ha.

*e) Hệ thống cầu:* Nâng cấp cải tạo, xây mới hệ thống cầu trên các tuyến đường giao thông, quy mô cầu vĩnh cửu, khổ cầu phù hợp với cấp đường quy hoạch, có tính thẩm mỹ cao, giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại.

**8.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị**

- Nguồn điện cấp cho đô thị Cẩm Nhân được lấy từ đường dây nổi trung áp 35kV (lộ 373 - A40 Thủy điện Thác Bà) đi qua khu vực đô thị Cẩm Nhân.

- Tổng nhu cầu cấp điện dự báo đến năm 2030 khoảng 4.385kVA; dự báo đến năm 2045 khoảng 11.412kVA.

- Lưới điện cao thế 500kV (Lào Cai - Vĩnh Yên) xây dựng mới đi qua khu vực đô thị Cẩm Nhân phải đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không tới từng công trình.

- Lưới điện trung thế 35kV: Cải tạo và xây dựng mới các tuyến cáp nổi trên không 35kV cấp điện cho các trạm biến áp.

- Các trạm biến áp hiện có được giữ nguyên vị trí và tính toán nâng công suất đáp ứng nhu cầu sử dụng. Các trạm biến áp quy hoạch mới được tính toán bố trí phù hợp và được xác định cụ thể khi lập quy hoạch chi tiết, phù hợp với nhu cầu sử dụng.

- Bố trí hệ thống chiếu sáng đô thị theo quy định trên các tuyến phố, khu vực công cộng và hệ thống giao thông; mục tiêu đến năm 2045 xây dựng hệ thống chiếu sáng các tuyến đường đạt 100%.

#### **8.4. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc**

Nâng cấp các trạm truy nhập quang tự động (PON); xây dựng các tuyến cáp quang ngầm dọc các tuyến giao thông, từ trạm trung tâm về trạm truy nhập quang tự động trong khu vực. Cải tạo chỉnh trang các trạm viễn thông hiện có, kết nối bằng tuyến cáp quang ngầm. Toàn bộ mạng truyền dẫn sử dụng cáp quang băng rộng.

#### **8.5. Quy hoạch cấp nước**

- Tổng nhu cầu dùng nước đô thị Cẩm Nhân đến năm 2030 là 2169 m<sup>3</sup>/ngđ; đến năm 2045 là 4310m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn cấp: Từ đập Khe Hoài, thôn Ngòi Quán, cách trung tâm đô thị khoảng 4,5km.

- Định hướng cấp nước: Giai đoạn đến năm 2030 xây dựng nhà máy xử lý và cung cấp nước sạch Cẩm Nhân với công suất 2.200m<sup>3</sup>/ngđ, đến năm 2045 thực hiện nâng công suất nhà máy nước lên 4.400m<sup>3</sup>/ngđ, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của toàn đô thị trong dài hạn.

- Mạng lưới đường ống được bố trí ngầm, song song với các tuyến đường giao thông. Mạng lưới cấp nước sử dụng mạng vòng kết hợp với mạng cụt. Các trụ cứu hoả ngoài nhà chọn loại nổi đường kính D110, khoảng cách mỗi trụ cứu hoả không nhỏ hơn 150m/trụ.

#### **8.6. Quy hoạch thoát nước thải và quản lý chất thải rắn**

##### **a) Thoát nước thải**

- Sử dụng hệ thống thoát nước thải trong đô thị là hệ thống thoát nước hỗn hợp.

- Tổng nhu cầu nước thải đô thị Cẩm Nhân đến năm 2030 là 1.431 m<sup>3</sup>/ngđ đến năm 2045 là 3.200 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Giai đoạn đến năm 2030 xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 1.500m<sup>3</sup>/ngđ; Giai đoạn đến năm 2045 nâng công suất trạm xử lý nước thải lên 3.200m<sup>3</sup>/ngđ. Toàn bộ nước thải sinh hoạt, công cộng,... được thu gom bằng hệ thống cống, chạy dọc theo vỉa hè và dẫn về trạm xử lý.

- Hệ thống thoát nước thải trong các khu chức năng, khu đô thị, khu ở mới được xử lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

##### **b) Quản lý chất thải rắn**

- 100% chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý đạt yêu cầu. Giảm lượng thải, tăng tái chế, tái sử dụng chất thải rắn. Chỉ chôn lấp chất thải rắn không thể tái chế.

- Quy hoạch lò đốt rác tại thôn Làng Dụ, diện tích 0,85 ha. Toàn bộ chất thải rắn đô thị được thu gom, vận chuyển đến các trạm trung chuyển, sau đó vận chuyển về lò đốt rác để xử lý đảm bảo an toàn vệ sinh theo quy định.

#### **8.7. Quy hoạch nghĩa trang**

Quy hoạch mới nghĩa trang thôn Quyết Thắng 1; mở rộng nghĩa trang thôn Ngòi Sứ; Khoanh vùng, trồng cây xanh cách ly, từng bước đóng cửa các

nghĩa trang hiện trạng nằm trong đô thị. Di dời các khu mộ nằm rải rác trong khu vực dân cư, khu vực sản xuất nông nghiệp về nghĩa trang tập trung.

### **8.8. Tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu**

#### **a) Tăng trưởng xanh**

- Xây dựng và phát triển đô thị bền vững, văn minh, hiện đại, gìn giữ được các công trình văn hóa, lịch sử, các công trình kiến trúc có giá trị.

- Chú trọng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị xanh, thông minh, giảm cường độ phát thải khí nhà kính. Đề ra các giải pháp hạn chế ùn tắc giao thông, giải quyết tốt úng ngập, ô nhiễm môi trường, tích cực thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển đô thị theo hướng tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng hiệu quả.

#### **b) Thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Tăng cường không gian xanh đô thị, duy trì các khu vực sản xuất nông nghiệp và đặc biệt bảo vệ các lưu vực thoát nước tự nhiên, duy trì không gian mặt nước, thiết kế thích ứng chống chịu gió bão, thiết kế lưu vực giữ nước phòng chống hạn hán, phục vụ tưới tiêu, vật liệu chịu úng, vật liệu thấm thấu cho lưu vực giữ nước. Kiểm soát tình trạng suy thoái tài nguyên nước, tài nguyên đất, đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng.

- Quy hoạch tái định cư cho các khu vực dân cư có khả năng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố biến đổi khí hậu.

- Tính toán cốt nền quy hoạch trên cơ sở xem xét tới thủy văn khu vực và tác động của yếu tố biến đổi khí hậu đến khả năng thoát nước tự nhiên. Nâng cấp hệ thống kè sông, suối và công trình hạ tầng trọng yếu đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Quy hoạch thoát nước mưa, thoát nước thải trên cơ sở tính toán cốt nền thoát nước, vị trí các công trình đầu mối, hướng thoát nước đảm bảo thích ứng được với biến đổi khí hậu, hiện tượng thời tiết cực đoan.

### **9. Các giai đoạn đầu tư**

**9.1. Giai đoạn đến năm 2030:** Từng bước xây dựng hệ thống hạ tầng khung để thu hút đầu tư đô thị mới Cẩm Nhân.

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng các tuyến giao thông tiêu chuẩn đường đô thị.

- Xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao; công viên trung tâm; xây dựng bưu điện văn hóa xã; cải tạo, xây dựng nhà văn hóa các thôn đảm bảo quy mô diện tích theo quy định, cải tạo chỉnh trang các sân thể thao thôn, đảm bảo yêu cầu sử dụng cho hoạt động văn hóa thể thao đô thị.

- Cải tạo, nâng cấp, xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã; các cơ sở y tế, văn hóa, giáo dục đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại V.

- Xây dựng trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự; Trụ sở cơ quan phòng cháy chữa cháy; Chợ trung tâm đô thị; Xây dựng khu tiêu thụ công nghiệp.

- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, nghĩa trang...)
- Xây dựng mới các quỹ đất phát triển dân cư đô thị.

### **9.2. Giai đoạn 2031 - 2045**

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, nghĩa trang...) hoàn thiện theo định hướng quy hoạch được phê duyệt.
- Xây dựng các khu thương mại dịch vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị.
- Phát triển các khu chức năng, khu đô thị, khu ở mới theo định hướng quy hoạch quy hoạch được phê duyệt.

### **10. Giải pháp bảo vệ môi trường**

- Phân tích, dự báo các vấn đề môi trường chính có ảnh hưởng trong quá trình triển khai quy hoạch bao gồm: lựa chọn đất xây dựng trong mối liên hệ với phòng chống thiên tai, giảm thiểu ngập úng, sạt lở; ô nhiễm nguồn nước; công tác quản lý chất thải rắn, nước thải, thoát nước, bảo vệ hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên...

- Đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, tiếng ồn..., cải thiện vấn đề môi trường khi thực hiện quy hoạch; đề xuất danh mục các dự án đầu tư xây dựng cần thực hiện đánh giá tác động môi trường; phân đợt đầu tư, khi chưa có kế hoạch phát triển.

- Xây dựng các hướng dẫn, tiêu chuẩn và quy trình bảo vệ môi trường trong các khu chức năng, thiết lập kế hoạch quản lý, giám sát môi trường cho các giai đoạn cụ thể nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường; Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường theo quy định.

### **11. Thành phần hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, bao gồm: Thuyết minh quy hoạch, hồ sơ bản vẽ quy hoạch, quy định quản lý theo quy hoạch.

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ, được lưu trữ tại Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Quản lý, bàn giao hồ sơ cho các cơ quan chức năng liên quan; tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch chung đô thị mới Cẩm An, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đến năm 2045 để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, theo đồ án quy hoạch chung được phê duyệt, làm cơ sở để quản lý đất đai, cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy định.

- Xây dựng quy chế quản lý đô thị, chương trình phát triển đô thị, các cơ chế chính sách và kế hoạch thực hiện đầu tư theo từng giai đoạn; tập trung huy động các nguồn lực để triển khai việc đầu tư xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch đã phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư, phát triển đô thị theo quy hoạch đã phê duyệt đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** *pv*

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, TNMT, XD. *pv*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Huy Tuấn**